

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 324/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2022

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Năm**

2. Bà **Huỳnh Thị Phụng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm XXXX. (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Phùng Hoàng H**, sinh năm XXXX. (*vắng mặt không lý do*)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 15/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Kim N** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh H kết hôn năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, chị về sống cùng gia đình chồng tại ấp X, xã T. Chồng chị là tài xế lái xe đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, chị là công nhân đi làm tại thị xã G.

Hôn nhân của anh chị hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi về tiền bạc. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp B, xã Đ. Anh H không còn quan tâm đến gia đình, không gửi tiền phụ chị nuôi con nên kinh tế của chị gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Hiện vợ chồng chị không còn liên lạc với nhau và chị xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 02 con chung là cháu Phùng Nguyễn Quế T, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện cháu đang sống cùng chị và cháu Phùng Chí B, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện cháu đang sống cùng gia đình anh H. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, chị giao cháu B cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng và hai bên không ai pH cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phùng Hoàng H vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N dù Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ cho anh đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N, chị N được ly hôn với anh Phùng Hoàng H. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phùng Nguyễn Quế T, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và giao con chung tên Phùng Chí B, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng; anh H và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền:

- Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với anh Phùng Hoàng H, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phùng Hoàng H cư trú tại Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

- Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 10/3/2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xảy ra cự cãi về vấn đề tiền bạc, hiện đã sống ly thân và không còn liên lạc với nhau. Đồng thời, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T được biết: Ngoài những mâu thuẫn phát sinh nêu trên, chị N còn có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác là bạn của anh H dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị N. Từ những tình tiết nêu trên cho thấy: mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã thực sự trầm trọng, hai bên không còn tình cảm với nhau, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc hôn nhân giữa chị N và anh H đã không còn tuân thủ đúng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh H.

[4] Về nuôi con chung:

- Anh chị chung sống có 02 người con chung tên Phùng Nguyễn Quế T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Phùng Chí B, sinh ngày xx/xx/xxxx. Xét yêu cầu của chị N, nhận thấy: Hiện cháu T đang sống cùng chị N, đã ổn định cuộc sống và hiện cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng mẹ là chị N; đối với cháu B đang sống cùng gia đình anh H, đã ổn định cuộc sống và hiện cháu có nguyện vọng muốn sống cùng cha là anh H. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu B cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau ly hôn, nếu các bên có tranh chấp thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N, cho chị N được ly hôn với anh Phùng Hoàng H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Phùng Nguyễn Quế T, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Giao con chung tên Phùng Chí B, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Anh H và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh H và chị N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007789 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiên